

Số: *07* /2018/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày *13* tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số 1822/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

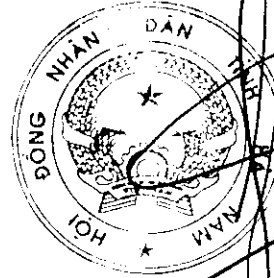
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND
ngày 13/ 7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam.

2. Ngoài các quy định cụ thể tại Quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;
4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công

1. Đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Việc phân cấp đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; với chức năng, nhiệm vụ, trình độ, khả năng quản lý của từng cấp, từng ngành. Nội dung phân cấp đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Những loại tài sản là: Trụ sở làm việc; xe ô tô; xe máy chuyên dùng; ca nô; tàu; thuyền; phà không phân biệt giá trị đều thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đối với tài sản công

1. Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Chủ tịch UBND cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Chủ tịch UBND cấp xã) chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công theo dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán kinh phí bổ sung được phê duyệt đối với:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Tài sản công khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm theo đề nghị của Sở Tài chính.

2. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải; máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình có giá trị dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các sở, ban, ngành và tương đương có các cơ

quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm của cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc (*bao gồm cả cấp xã*) từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện (có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp có số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với trường hợp có số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định đối với trường hợp có số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan mình. Trường hợp các sở, ban, ngành và tương đương có các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với trường hợp có số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện (có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với trường hợp số tiền thuê (tính cho cả thời gian thuê hoặc tính cho một hợp đồng) dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi cấp huyện và cấp xã quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành thuộc địa phương quản lý, giữa các đơn vị cấp tỉnh với cấp huyện, giữa các huyện, thành phố đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã với nhau đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

5. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Nhà, công trình xây dựng và tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác, tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác, tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Trường hợp các sở, ban, ngành có các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác, tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với nhà, công trình xây dựng khác, tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản:

a) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

b) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu huỷ tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại tại cơ quan trực tiếp quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Mục 2

PHÂN CẤP THẨM QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước tại Mục 1 Chương II Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 5 Mục 1 Chương II Quy định này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị để mua sắm tài sản thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước để thuê tài sản thì thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Mục 1 Chương II Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị để thuê tài sản thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Mục 1 Chương II Quy định này.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản là:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Tài sản được hình thành có nguồn gốc ngân sách nhà nước (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) thì Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán, thanh lý tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Tài sản là động sản được hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) thì người đứng đầu sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định bán, thanh lý tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Tài sản là động sản được hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Tài sản là động sản được hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) thì người đứng đầu cơ

quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) quyết định bán, thanh lý tài sản công do đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

6. Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vay, vốn huy động theo quy định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về bán, thanh lý tài sản công.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Mục 1 Chương II Quy định này.

Mục 3

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÀ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP HUYỆN

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản tại cơ quan Đảng

1. Thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Mục 1 Chương II quy định này.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 7 Mục 1 Chương II quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Mục 1 Chương II quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 26, các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Mục 1 Chương II quy định này.

5. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 và các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 Nghị định số

165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Mục 1 Chương II quy định này.

Mục 4

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 19. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị - xã hội.

Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Mục 2 Chương II Quy định này.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được thực hiện như sau:

1. Đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội đã được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước được thực hiện như đối với cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

2. Đối với tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

Chương III**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, XỬ LÝ
TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và của cơ quan quản lý ngành (nếu có), đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) đối với tài sản: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của cơ quan quản lý ngành (nếu có)/.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi